

**CÔNG TY CỔ PHẦN
KIÊN HÙNG**

Số: KHS-COM-OD28/2020
Về Báo cáo giải trình kèm báo cáo tài chính hợp
nhất quý II năm 2020

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Kiên Giang, ngày 17 tháng 07 năm 2020

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội**

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN KIÊN HÙNG

- Mã chứng khoán: KHS
- Địa chỉ: 14A ấp Tân Điền, xã Giục Tượng, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang
- Điện thoại liên hệ: 02973 912 128 Fax: 02973 912 988
- E-mail: info@kihuseavn.com
- Người thực hiện công bố thông tin: Ông **Nguyễn Ngọc Anh**
- Loại thông tin công bố: ☒ Định kỳ ☐ Bất thường ☐ 24h ☐ Theo yêu cầu

2. Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo giải trình kèm báo cáo tài chính hợp nhất quý II năm 2020.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 17/07/2020 tại đường dẫn: www.kihuseavn.com

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

*** Tài liệu đính kèm:**

Báo cáo giải trình kèm báo cáo tài chính hợp nhất
Quý II năm 2020

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

Người UQ CBTT



Nguyễn Ngọc Anh

CTY CỔ PHẦN KIÊN HÙNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Số: 07/2020/KH-CBTT

V/v: Giải trình về kết quả kinh doanh theo

BCTC hợp nhất Quý 2/2020

Kiên Giang, ngày 17 tháng 7 năm 2020

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY
BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDC TP. HÀ NỘI**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán nhà nước

- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hà Nội

- Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN KIÊN HÙNG**
- Mã chứng khoán: **KHS**
- Địa chỉ trụ sở chính: 14A, Ấp Tân Điền, Xã Giục Tượng, Huyện Châu Thành, Kiên Giang.
- Điện thoại: (0297) 3912128 Fax: (0297) 3912988
- Người thực hiện công bố thông tin: **NGUYỄN NGỌC ANH**
- Điện thoại (cơ quan): (0297) 3912128 Fax: (0297) 3912988
- Loại thông tin công bố: ☐ 24 giờ ☐ 72 giờ ☐ bất thường ☐ yêu cầu ☒ định kỳ

Nội dung thông tin công bố: Giải trình về số liệu kết quả kinh doanh trên Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 2 năm 2020, chênh lệch hơn 10% so với cùng kỳ. Cụ thể như sau:

Bảng so sánh lợi nhuận hợp nhất Quý 2 năm 2020 và Quý 2 năm 2019:

Chỉ tiêu	Mã số	Kỳ báo cáo		Chênh lệch	Tỷ lệ (%)
		Quý 2/2020	Quý 2/2019		
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	261,218,584,732	267,617,608,681	(6,399,023,949)	(2.39)
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	1,635,119,562	3,755,070,580	(2,119,951,018)	(56.46)
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	259,583,465,170	263,862,538,101	(4,279,072,931)	(1.62)
4. Giá vốn hàng bán	11	235,102,390,635	233,961,104,311	1,141,286,324	0.49
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	24,481,074,535	29,901,433,790	(5,420,359,255)	(18.13)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	633,026,779	446,164,144	186,862,635	41.88
7. Chi phí tài chính	22	9,055,756,762	5,672,161,262	3,383,595,500	59.65
+ Trong đó: chi phí lãi vay	23	8,147,964,947	4,846,872,365	3,301,092,582	68.11
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	-	-	-	
9. Chi phí bán hàng	25				

		7,166,222,770	7,879,023,621	(712,800,851)	(9.05)
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6,597,912,487	6,499,005,239	98,907,248	1.52
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	2,294,209,295	10,297,407,812	(8,003,198,517)	(77.72)
12. Thu nhập khác	31	100,000	-	100,000	
13. Chi phí khác	32	5,137,746	2,574,428	2,563,318	99.57
14. Lợi nhuận khác	40	(5,037,746)	(2,574,428)	(2,463,318)	95.68
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	2,289,171,549	10,294,833,384	(8,005,661,835)	(77.76)
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	24,768,249	24,768,249	-	-
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	(24,768,249)	(24,768,249)	-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	2,289,171,549	10,294,833,384	(8,005,661,835)	(77.76)
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	61	2,763,839,748	10,210,973,477	(7,447,133,729)	(72.93)
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	(474,668,199)	83,859,907	(558,528,106)	(666.03)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	206	849	(644)	(75.78)
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	206	849	(644)	(75.78)

Lợi nhuận sau thuế của Quý 2 năm 2020 theo BCTC hợp nhất của Công ty mẹ giảm 72,93 % so với cùng kỳ năm 2019. Nguyên nhân:

- Lợi nhuận riêng của công ty mẹ giảm 67,82% so với cùng kỳ năm 2019, (xem Giải trình về số liệu kết quả kinh doanh trên Báo cáo tài chính riêng Quý 2 năm 2020)
- Lợi nhuận Công ty con (Công ty TNHH thủy sản AOKI) lỗ so cùng kỳ (cùng kỳ có lãi).

Nguyên nhân lỗ của công ty con:

- + Ảnh hưởng của dịch COVID-2019, nên các hợp đồng bán hàng bị giãn / hoãn giao hàng, bị giảm giá bán.
- + Giá nguyên liệu tăng cao, do sản lượng khai thác đánh bắt thủy sản giảm, ngư trường cạn kiệt và chính sách quản lý ngư trường của nhà nước , để gỡ thẻ vàng EU.

Dưới đây là thông tin chi tiết về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh Quý 2 năm 2020 của công ty con – Công ty TNHH Thủy sản Aoki:

Chỉ tiêu	Mã số	Kỳ báo cáo		Chênh lệch	Tỷ lệ (%)
		Quý 2/2020	Quý 2/2019		
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	90,480,752,172	74,777,063,174	15,703,688,998	21.00
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2			-	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10	90,480,752,172	74,777,063,174	15,703,688,998	21.00
4. Giá vốn hàng bán	11	84,319,398,958	67,219,141,723	17,100,257,235	25.44
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20	6,161,353,214	7,557,921,451	(1,396,568,237)	(18.48)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	444,128,928	48,245,729	395,883,199	820.56
7. Chi phí tài chính	22	1,711,068,534	2,115,649,527	(404,580,993)	(19.12)
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	1,353,324,374	1,782,817,725	(429,493,351)	(24.09)
8. Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24			-	
9. Chi phí bán hàng	25	4,068,299,957	3,611,201,284	457,098,673	12.66
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	1,794,824,261	1,708,173,702	86,650,559	5.07
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21-22)-(25+26)}	30	(968,710,610)	171,142,667	(1,139,853,277)	(666.03)
12. Thu nhập khác	31		-	-	
13. Chi phí khác	32			-	
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40	-	-	-	
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	(968,710,610)	171,142,667	(1,139,853,277)	(666.03)
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51			-	
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			-	
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52)	60	(968,710,610)	171,142,667	(1,139,853,277)	(666.03)

Trên đây là nội dung giải trình của Công ty Cổ phần Kiên Hùng về các nguyên nhân dẫn đến kết quả kinh doanh trong Quý 2 năm 2020 giảm so với cùng kỳ 2019.

Thông tin trên được đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Công ty tại địa chỉ: <http://www.kihuseavn.com/>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT *Calh*



Nguyễn Ngọc Anh

